

CÁC BỘ**BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG****BỘ BƯU CHÍNH,
VIỄN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2005/QĐ-BBCVT

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG
ban hành cước thuê kênh viễn thông quốc tế
của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam**BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG**

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 217/2003/QĐ-TTg ngày 27/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá cước các dịch vụ bưu chính, viễn thông;

Xét đề nghị của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Công văn số 27/GCTT-HĐQT ngày 28/01/2005 về phương án giảm cước thuê kênh;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết

định này bảng cước dịch vụ thuê kênh viễn thông quốc tế của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH,
VIỄN THÔNG**
*Thứ trưởng***Lê Nam Thắng**

**BẢNG CƯỚC DỊCH VỤ THUÊ KÊNH VIỄN THÔNG QUỐC TẾ
CỦA TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 11/2005/QĐ-BBCVT ngày 28/4/2005
của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông)*

1. Cước thuê kênh theo tháng (đầu phía Việt Nam - half circuit).

Loại kênh	Mức cước (USD/tháng)	
	Cước trần	Cước sàn
a) Kênh điện thoại		
M 1040 thoại	1.302	977
M 1040 thoại/số liệu	1.530	1.148
M 1020 thoại/số liệu	1.562	1.172
b) Kênh điện báo		
- 50 baud		
+ Đơn công	326	244
+ Song công	487	365
- 100 baud		
+ Đơn công	390	293
+ Song công	586	440
- 200 baud		
+ Đơn công	522	391
+ Song công	782	586
c) Kênh ở các tốc độ:		
- 300 b/s	522	391
- 1200 b/s	652	489
- 2400 b/s	847	635
- 4800 b/s	1.042	782
- 9600 b/s	1.485	1.114
- 19,2 Kb/s	1.757	1.317
- 64 Kb/s	2.166	1.625
- 128 Kb/s	3.044	2.283
- 192 Kb/s	3.648	2.736
- 256 Kb/s	4.366	3.274
- 384 Kb/s	5.300	3.975

Loại kênh	Mức cước (USD/tháng)	
	Cước trần	Cước sàn
- 512 Kb/s	6.225	4.669
- 768 Kb/s	6.343	4.758
- 896 Kb/s	7.041	5.281
- 1024 Kb/s	8.433	6.325
- 1152 Kb/s	10.204	7.653
- 2048 Kb/s	11.582	8.687
- 34 Mb/s	117.728	88.297
- 45 Mb/s	172.669	129.502
- 155 Mb/s	386.297	289.723

2. Cước thuê kênh phân kéo dài trong nước.

2.1. Cước thuê kênh đường dài liên tỉnh (nếu có): Áp dụng theo bảng cước thuê kênh viễn thông liên tỉnh.

2.2. Cước thuê kênh nội tỉnh (đã bao gồm cả phần truyền dẫn nội hạt):

2.2.1. Đối với 03 thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, chia thành 02 mức:

2.2.1.1. Không quá 85% mức cước cùng tốc độ (mức cước 1) bảng cước thuê kênh riêng nội hạt đối với trường hợp điểm kết cuối của khách hàng nằm trong khu vực các quận nội thành;

2.2.1.2. Không quá 85% mức cước cùng tốc độ (mức cước 2) bảng cước thuê kênh riêng nội hạt đối với các trường hợp kết cuối của khách hàng nằm tại các huyện ngoại thành.

2.2.2. Đối với các tỉnh, thành phố còn lại chia thành 02 mức:

2.2.2.1. Không quá 50% mức cước cùng tốc độ (mức cước 1) bảng cước thuê kênh riêng nội tỉnh đối với trường hợp điểm kết cuối nằm trong khu vực thành phố, thị xã là tỉnh lỵ của tỉnh, các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương;

2.2.2.2. Không quá 50% mức cước cùng tốc độ (mức cước 2) bảng cước thuê kênh riêng nội tỉnh đối với các trường hợp còn lại.

3. Mức cước thuê kênh quốc tế quy định tại Mục 1 đã bao gồm cước khôi phục.

4. Các mức cước trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT.

5. Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam:

- Quy định cước đấu nối hòa mạng ban đầu.

- Quy định các mức cước cụ thể trong khung cước đã được quy định tại Quyết định này.

- Quy định mức giảm cước cho khách hàng hoặc thuê dài hạn (thuê năm) hoặc thuê kênh không có khôi phục hoặc đồng thời cho cả hai trường hợp trên với mức giảm tối đa không quá 15% so với mức cước sàn do Bộ quy định.

- Khi ban hành quyết định các mức cước cụ thể theo thẩm quyền, Tổng Công ty có thông báo với Bộ Bưu chính, Viễn thông trước khi quyết định có hiệu lực.

6. Đối tượng áp dụng:

- Các khách hàng sử dụng dịch vụ thuê kênh riêng đi quốc tế của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

- Đối với các doanh nghiệp có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông, cước thuê kênh riêng quốc tế áp dụng mức cước sàn quy định trong bảng cước quy định tại Mục 1.

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kết nối Internet (IXP) thuê để kết nối Internet quốc tế áp dụng theo quyết định riêng./.

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG